

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 03/2009/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC BẢO VỆ DÂN PHỐ VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG, THỊ TRẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01/3/2007 của liên Bộ: Công an, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 106/2007/QĐ-BCA (C11) ngày 13/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành Điều lệnh cảnh sát khu vực, trong đó có quy định về cụm dân cư ở phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 17/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Đề án mô hình tổ chức và chế độ chính sách của lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn trong tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 10/TTr-CATB ngày 30/12/2008 và giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 83/TTr-SNV ngày 01/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tổ chức Bảo vệ dân phố và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn”.

Điều 2. Giao cho Công an tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT huyện, Thành uỷ;
- UBND huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Nguyễn Hạnh Phúc

QUY ĐỊNH

VỀ TỔ CHỨC BẢO VỆ DÂN PHỐ VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BẢO VỆ
DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh
Thái Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở các phường, thị trấn nơi bố trí lực lượng Công an chính quy, do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thành lập.

Điều 2. Nguyên tắc bố trí và hoạt động của Bảo vệ dân phố:

1. Nguyên tắc bố trí:

- a) Lấy cụm dân cư (theo quy định của Điều lệnh cảnh sát khu vực) để bố trí các Tổ Bảo vệ dân phố;
- b) Đảm bảo Tổ dân phố nào cũng có thành viên Tổ Bảo vệ dân phố;
- c) Căn cứ vào số hộ gia đình, số khẩu trong từng cụm dân cư để quyết định số lượng thành viên Tổ Bảo vệ dân phố, nhưng mỗi Tổ Bảo vệ dân phố không quá 07 thành viên.

2. Nguyên tắc hoạt động của Bảo vệ dân phố:

- a) Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy phường, thị trấn; sự giám sát của HĐND phường, thị trấn; sự quản lý điều hành của UBND phường, thị trấn và sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp công tác của Công an phường, thị trấn.
- b) Mọi hoạt động của Bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa của Bảo vệ dân phố để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 3. Tổ chức của Bảo vệ dân phố:

Tổ chức của Bảo vệ dân phố gồm: Tổ Bảo vệ dân phố và Ban Bảo vệ dân phố.

Tổ Bảo vệ dân phố được thành lập ở cụm dân cư.

Ban Bảo vệ dân phố được thành lập ở phường, thị trấn.

1. Tổ Bảo vệ dân phố:

Mỗi cụm dân cư (theo quy định của Điều lệnh cảnh sát khu vực có từ 400 đến 500 hộ gia đình hoặc 1.500 đến 2.000 nhân khẩu) được thành lập một Tổ Bảo vệ dân phố. Tổ Bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên. Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố do chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư bầu ra bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, người trúng cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ và được số phiếu hợp lệ nhiều hơn. Trong trường hợp có nhiều người được số phiếu bằng nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử. Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố đồng thời là Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố. Tùy vào tình hình, đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn, mỗi Tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 thành viên. Tổ Bảo vệ dân phố có từ 5 thành viên trở lên có thể bầu thêm một Tổ phó.

2. Ban Bảo vệ dân phố:

Mỗi phường, thị trấn được thành lập một Ban Bảo vệ dân phố. Ban Bảo vệ dân phố gồm có Trưởng ban, Phó trưởng ban và các Ủy viên. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đồng thời là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố ở cụm dân cư. Trưởng ban, các Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố do các Ủy viên Ban Bảo vệ

dân phố bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử Trưởng ban, Phó trưởng ban phải là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố và có số phiếu hợp lệ cao hơn.

Khi Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố được bầu làm Trưởng ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố để làm nhiệm vụ điều hành chung thì cụm dân cư nào khuyết Tổ trưởng sẽ tổ chức bầu bổ sung.

(Số lượng thành viên Ban Bảo vệ dân phố và Tổ Bảo vệ dân phố có phụ lục kèm theo).

3. Nhiệm kỳ hoạt động của Bảo vệ dân phố là 5 năm

Chương II

BẦU, CÔNG NHẬN, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, BỔ SUNG CÁC THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ DÂN PHỐ VÀ BAN BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn của Bảo vệ dân phố

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, cư trú ổn định tại địa bàn (người đã đăng ký thường trú hoặc tạm trú có thời hạn từ 1 năm trở lên và thường xuyên sinh sống tại nơi đăng ký).
2. Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
3. Có sức khỏe, có điều kiện, nhiệt tình và tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội; am hiểu pháp luật và phải được bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ an ninh trật tự; có năng lực tổ chức thực hiện công tác phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.
4. Không có tiền án, tiền sự, không phải là người đang chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, quản chế hình sự hoặc đang chấp hành một trong các biện pháp xử lý hành chính khác.
5. Quan hệ tốt với nhân dân, được quần chúng tín nhiệm và nhân dân trong cụm dân cư giới thiệu bầu ra.

Điều 5. Công tác chuẩn bị hội nghị bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn ra quyết định công bố ngày bầu cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và Công an phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.
2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Cảnh sát khu vực phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cụm dân cư tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ ở cụm dân cư để thống nhất danh sách người ra ứng cử.
3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND phường, thị trấn ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng, Thư ký, các thành viên khác và đại diện cử tri; quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, nếu cử tri đại diện hộ gia đình phải là người đủ từ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự) tham gia bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố. Các quyết định này được thông báo đến nhân dân ở cụm dân cư chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.
4. Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu thành viên Tổ bảo vệ dân phố có thể tổ chức tại hội nghị cụm dân cư hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Điều 6. Bầu cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố tại hội nghị cụm dân cư

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố: Hội nghị bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được tiến hành khi có trên 50% chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự.

2. Việc bầu cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử quyết định đề việc Tổ Bảo vệ dân phố báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cụm dân cư. Hội nghị cụm dân cư thảo luận về công tác nhiệm kỳ qua của Tổ Bảo vệ dân phố;

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của thành viên Tổ Bảo vệ dân phố;

d) Cảnh sát khu vực phối hợp với đại diện Ban công tác mặt trận ở cụm dân cư thống nhất danh sách người ra ứng cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố do cảnh sát khu vực và Ban công tác Mặt trận ở cụm dân cư đề cử và Chi uỷ, Chi bộ ở cụm dân cư thống nhất theo quy trình trên tại Khoản 2, Điều 5. Tại hội nghị này, chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử;

đ) Hội nghị thảo luận và cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý

kiến của chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tham dự hội nghị tán thành. (số lượng và danh sách người ứng cử nhiều hơn ít nhất là một người so với số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được bầu);

e) Tiến hành bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố;

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định;

- Nếu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu;

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư không phải là người ứng cử có mặt để chứng kiến việc kiểm phiếu;

- Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của cụm dân cư; số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử; người ứng cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố phải được quá nửa số phiếu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn thì trúng cử. Trong trường hợp có nhiều người được số phiếu bằng nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử. Biên bản kiểm phiếu lập thành 04 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

g) Cảnh sát khu vực cùng với Tổ trưởng Tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu cử thành viên Tổ bảo vệ dân phố, kèm theo biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, thị trấn và Trưởng công an phường, thị trấn.

3. Tổ chức bầu cử thêm:

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử chưa đủ 2/3 số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố theo quy định cho cụm dân cư thì Tổ bầu cử ghi rõ vào Biên bản xác nhận kết quả bầu cử và cùng cảnh sát khu vực báo cáo ngay với UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Công an phường, thị trấn để UBND phường, thị trấn quyết định ngày bầu cử thêm số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố còn thiếu. Việc

bầu cử thêm phải được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình chỉ chọn bầu trong danh sách những người đã ứng cử lần đầu nhưng không trúng cử, nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai. Quy trình bầu cử thêm thành viên Tổ Bảo vệ dân phố thực hiện như Điều 5 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 6

4. Tổ chức bầu lại trong trường hợp sau:

- Không đủ trên 50% số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư đi bầu.
- Số phiếu của ứng cử viên không đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ.
- Ngày bầu cử lại do UBND phường, thị trấn quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Nếu bầu cử lần 2 mà vẫn không bầu được thành viên Tổ Bảo vệ dân phố thì Chủ tịch UBND phường, thị trấn quyết định cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố lâm thời và hoạt động cho đến khi bầu được thành viên Tổ Bảo vệ dân phố. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND phường, thị trấn ra quyết định cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố lâm thời phải tổ chức bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố mới. Quy trình bầu thành viên Tổ Bảo vệ dân phố thực hiện như Điều 5 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 6.

5. Công nhận kết quả bầu cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố

Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ bầu cử, UBND phường, thị trấn xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử thành viên Tổ Bảo vệ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của UBND phường, thị trấn.

Điều 7. Bầu cử Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố

1. Sau khi UBND phường, thị trấn ra quyết định công nhận thành viên Tổ Bảo vệ dân phố, tiến hành việc tổ chức bầu Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố

2. Hình thức bầu: Bỏ phiếu kín.

3. Giới thiệu nhân sự: Căn cứ vào tiêu chuẩn, số lượng thành viên Tổ Bảo vệ dân phố, sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Chi uỷ, sự chỉ đạo của UBND và Trưởng Công an phường, thị trấn. Cảnh sát khu vực có trách nhiệm chủ trì phối hợp với chi uỷ, chi bộ, Tổ trưởng dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cụm dân cư lựa chọn, giới thiệu người ứng cử vào chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Bảo vệ dân phố và tổ chức họp Tổ Bảo vệ dân phố để giới thiệu người ứng cử vào chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố và thống nhất việc lập danh sách người ứng cử vào chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Bảo vệ dân phố.

4. Tổ chức bầu cử: Việc tổ chức bầu cử Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố do Cảnh sát khu vực hướng dẫn và phối hợp với chi uỷ, Tổ trưởng dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cụm dân cư.

5. Thành phần tham gia bầu cử: Là các thành viên Tổ Bảo vệ dân phố; mời đại diện chi uỷ, chi bộ. Tổ trưởng, Trưởng ban công tác Mặt trận dân phố ở cụm dân cư tham dự.

6. Cuộc bầu cử chỉ có giá trị khi có trên 50% số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố dự họp so với tổng số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố. Người trúng cử Tổ trưởng, Tổ phó là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố (Biên bản bầu cử theo mẫu quy định).

7. Công nhận kết quả bầu cử: Căn cứ biên bản kết quả bầu cử các thành viên và kết quả bầu Tổ trưởng, Tổ phó; Cảnh sát khu vực báo cáo với Trưởng Công an phường, thị trấn; Trưởng Công an phường, thị trấn đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn ra quyết định công nhận bằng văn bản.

8. Tổ chức bầu lại trong các trường hợp sau:

- Không đủ trên 50% số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố tham dự.
- Số phiếu của người ứng cử Tổ trưởng, Tổ phó không đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ.
- Trường hợp số người được đề cử quá đông kết quả bầu lần đầu không có người trúng cử. Cảnh sát khu vực phối hợp với chi uỷ, Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận để lựa chọn những người trong danh sách đề cử có số phiếu bầu cao nhất để báo cáo Trưởng Công an phường, thị trấn; Trưởng Công an phường, thị trấn báo cáo đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn cho bầu lại. Nếu bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố thì cảnh sát khu vực xin ý kiến chi uỷ, Tổ trưởng dân phố. Trưởng ban công tác Mặt trận ở cụm dân cư báo cáo Trưởng Công an phường, thị trấn để Trưởng Công an phường, thị trấn đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn quyết định cử Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố lâm thời; nhưng chậm nhất trong thời gian không quá 6 tháng phải tổ chức bầu Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố theo quy định.

Điều 8. Bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố.

1. Hình thức bầu cử: Bỏ phiếu kín.

2. Giới thiệu nhân sự: Căn cứ vào tiêu chuẩn và năng lực tổ chức thực hiện của các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đồng thời là Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố mới được bầu từ các cụm dân cư. Trưởng Công an phường, thị trấn báo cáo với Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn, dự kiến người ứng cử chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban và tổ chức họp các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố để giới thiệu người ứng cử vào chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thống nhất danh sách người ứng cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố.

3. Tổ chức bầu cử: Trưởng Công an phường báo cáo Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn và trực tiếp hướng dẫn, tổ chức việc bầu Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố.

4. Thành phần tham gia bầu cử: Các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đồng thời là Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố; mời đại diện Đảng uỷ, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, thị trấn tham dự.

5. Cuộc bầu cử có giá trị khi có trên 50% số Ủy viên ban Bảo vệ dân phố tham gia bầu cử, người trúng cử chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số Ủy viên ban Bảo vệ dân phố và có số phiếu bầu hợp lệ cao hơn (Biên bản bầu cử theo mẫu quy định).

6. Công nhận kết quả bầu cử: Căn cứ kết quả bầu cử Trưởng ban, Phó trưởng ban, Trưởng Công an phường báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn quyết định công nhận bằng văn bản.

7. Tổ chức bầu lại :

- Không đủ trên 50% số Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố tham gia bầu cử.
- Số phiếu của các ứng cử viên Trưởng ban, Phó trưởng ban không đạt trên 50% số phiếu hợp lệ.

Trường hợp số người được đề cử quá đông, kết quả bầu lần đầu không có người trúng cử, Trưởng Công an phường báo cáo với Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn và thống nhất với Chủ tịch Ủy ban MTTQ ở phường, thị trấn để chọn người có số phiếu bầu cao nhất báo cáo đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn cho bầu lại. Nếu bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố thì Trưởng Công an phường, thị trấn báo cáo với UBND phường, thị trấn và đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn quyết định cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban lâm thời nhưng chậm nhất trong thời gian không quá 6 tháng phải tổ chức bầu Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban theo quy định.

8. Kinh phí bầu cử Bảo vệ dân phố do ngân sách phường, thị trấn đảm bảo.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung các thành viên Tổ Bảo vệ dân phố và Ban Bảo vệ dân phố.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung các thành viên Ban Bảo vệ dân phố và Tổ Bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:

1. Trưởng ban, Phó trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó và tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố mà khuyết (do chết, không có đủ sức khỏe hoặc chuyển sang công tác khác ...) thì miễn nhiệm và tổ chức bầu bổ sung vào các chức danh khuyết đó theo quy định.
2. Trưởng ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không được tập thể và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Trưởng Công an phường, thị trấn báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND phường, thị trấn tổ chức họp tập thể Ban Bảo vệ dân phố để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và làm thủ tục bầu người khác thay thế.
3. Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không được nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Trưởng ban Bảo vệ dân phố báo cáo đề xuất với Trưởng Công an phường, thị trấn và Trưởng Công an phường, thị trấn báo cáo với Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn để tổ chức họp chủ hộ hoặc đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư đã bầu thành viên để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.
4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:
 - Đối với Trưởng ban, Phó trưởng ban phải được trên 50% số thành viên Ban Bảo vệ dân phố đồng ý tán thành.
 - Đối với Tổ trưởng, Tổ phó phải được trên 50% số thành viên Tổ Bảo vệ dân phố đồng ý tán thành.
 - Đối với thành viên Tổ Bảo vệ dân phố phải được trên 50% chủ hộ hoặc cử tri đại diện đồng ý tán thành.
5. Căn cứ vào kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên Tổ Bảo vệ dân phố, Trưởng Công an phường báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND phường, thị trấn ra quyết định bằng văn bản.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 10. Chức năng của Bảo vệ dân phố: Bảo vệ dân phố có trách nhiệm làm nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện một số biện pháp công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn.

Điều 11. Nhiệm vụ của Bảo vệ dân phố:

1. Nắm tình hình an ninh, trật tự, phát hiện các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, các vụ vi phạm hành chính, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường, thị trấn phản ánh cho cơ quan Công an và UBND phường, thị trấn có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, tham gia hoà giải, giải quyết kịp thời không để những hậu quả xấu xảy ra.
2. Phổ biến, tuyên truyền nâng cao cảnh giác, ý thức phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự nhằm vận động nhân dân trong phường, thị trấn tự giác chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy bảo vệ an ninh trật tự, tham gia xây dựng phường, thị trấn, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm, tệ nạn xã hội.

3. Đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong phường, thị trấn chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; sử dụng, quản lý chứng minh nhân dân và giấy tờ tùy thân khác; quy định về đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tham gia giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

4. Vận động nhân dân tham gia cảm hoá, giáo dục, giúp đỡ và quản lý những người đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, Trung tâm cai nghiện, người chưa thành niên phạm tội, người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức giao trách nhiệm quản lý giáo dục, giúp đỡ những đối tượng trong diện quản lý, giáo dục tại phường, thị trấn. Vận động, thuyết phục người thân của các đối tượng đang bị truy nã, trốn thi hành án, đối tượng phạm tội đang lẩn trốn để tác động họ ra đầu thú.

5. Khi có vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trong địa bàn phải kịp thời có mặt và tìm mọi cách báo ngay cho Công an phường, thị trấn; bảo vệ hiện trường, tham gia sơ cứu người bị nạn, giải cứu con tin, bắt, giữ người phạm tội quả tang, tham gia chữa cháy, cứu tài sản và thực hiện công việc khác theo sự phân công, hướng dẫn của UBND và công an phường, thị trấn.

6. Phối hợp với lực lượng dân phòng và bảo vệ chuyên trách cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo sự chỉ đạo của UBND và Công an phường, thị trấn. Tổ chức tuần tra, kiểm soát và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền hạn của Bảo vệ dân phố:

1. Bắt, tước hung khí và áp giải người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, trốn thi hành án phạt tù đến trụ sở Công an phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm và báo cáo với UBND, công an phường, thị trấn để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với những người đang có hành vi vi phạm trật tự công cộng, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, các vi phạm quy định an toàn cháy nổ và những người vi phạm các quy định khác về trật tự an toàn xã hội.

3. Tham gia với lực lượng Công an hoặc lực lượng chức năng để truy bắt người phạm tội, người đang bị truy nã, trốn thi hành án; kiểm tra tạm trú, tạm vắng; kiểm tra giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của những người tạm trú, người có nghi vấn trên địa bàn khu phố được phân công phụ trách. Nghiêm cấm Bảo vệ dân phố tự ý kiểm tra giấy tờ, hàng hoá, phương tiện hoặc vào nơi của công dân để kiểm tra, kiểm soát trái quy định.

Điều 13. Lệ lối làm việc của Bảo vệ dân phố

1. Ban Bảo vệ dân phố:

1.1. Trưởng Ban Bảo vệ dân phố chịu trách nhiệm quản lý tổ chức và điều hành mọi hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố, thường xuyên báo cáo tình hình kết quả thực hiện các mặt công tác của Bảo vệ dân phố với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và Công an phường, thị trấn.

1.2. Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố giúp việc Trưởng ban và thực hiện phần việc được phân công, thay thế Trưởng ban Chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Ban khi được Trưởng ban uỷ quyền.

1.3. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Trưởng ban, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố và có trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch công tác của Bảo vệ dân phố ở cụm dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự do Trưởng ban, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố giao.

1.4. Hàng tháng Ban Bảo vệ dân phố họp 1 lần (trừ đột xuất) để kiểm điểm công tác đã làm và bàn chương trình công tác tháng tới.

2. Tổ Bảo vệ dân phố:

2.1. Hàng tháng các Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố phải tập hợp tình hình công tác an ninh trật tự và hoạt động của Tổ Bảo vệ dân phố để báo cáo Ban Bảo vệ dân phố biết, cho ý kiến chỉ đạo.

2.2. Hàng tuần tổ Bảo vệ dân phố tổ chức họp để đánh giá kết quả và triển khai công tác giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực có sự tham gia của các cấp uỷ chi bộ, Tổ trưởng dân phố theo cụm dân cư, cảnh sát khu vực để cùng phối hợp thực hiện.

2.3. Hàng ngày Ban Bảo vệ dân phố và Tổ Bảo vệ dân phố bố trí người có mặt tại địa điểm làm việc để thường trực giải quyết công việc theo quy định. Trong khi làm nhiệm vụ Bảo vệ dân phố phải đeo băng chức danh, biển hiệu theo quy định.

Điều 14. Môi quan hệ công tác của bảo vệ dân phố

1. Đối với Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn: Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, điều hành, quản lý về tổ chức và chỉ đạo chung về công tác.

2. Đối với cấp uỷ chi bộ Đảng và Ban điều hành cụm dân cư: Tổ Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo điều hành chung của cấp uỷ, chi bộ và phối hợp với Ban điều hành cụm dân cư nhằm đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng cụm dân cư văn hoá, an toàn về mọi mặt, phòng chống các tệ nạn xã hội.

3. Đối với Công an phường, thị trấn: Bảo vệ dân phố phải chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ an ninh, trật tự và tham gia phối hợp với Công an phường, thị trấn trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự.

4. Đối với cảnh sát khu vực, Bảo vệ dân phố vừa chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ giữ gìn an ninh, trật tự, vừa phối hợp giúp đỡ lực lượng cảnh sát khu vực trong công tác.

5. Phối hợp với lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dân phòng, đoàn thể quần chúng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của cơ quan, đơn vị, các tổ chức doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong địa bàn phường, thị trấn theo sự chỉ đạo của Đảng uỷ, UBND phường, thị trấn.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 15. Chế độ chính sách đối với Bảo vệ dân phố

1. Mức phụ cấp hàng tháng của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố, Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên tổ Bảo vệ dân phố thực hiện theo Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND tỉnh. Trường hợp Bảo vệ dân phố giữ nhiều chức danh khác nhau thì phụ cấp sẽ hưởng theo chức danh cao nhất.

- Mức phụ cấp hàng tháng của các thành viên Ban Bảo vệ dân phố và Tổ Bảo vệ dân phố như sau:

a) Trưởng Ban Bảo vệ dân phố: 459.000đ/người/tháng.

b) Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố: 405.000đ/người/tháng.

c) Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố: 351.000đ/người/tháng.

d) Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố: 297.000đ/người/tháng.

đ) Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố: 243.000đ/người/tháng.

2. Các thành viên ban và tổ Bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29/6/2005 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội và quy định tại Điều 3, Điều 11 Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì được xem xét, công nhận là người hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sĩ.

3. Các thành viên ban và tổ Bảo vệ dân phố được bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự theo quy định của ngành Công an. Trong thời gian tập trung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ, các thành viên bảo vệ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp đi lại, ăn ở như quy định đối với Công an xã.

Điều 16. Trang bị phương tiện đối với Bảo vệ dân phố

1. Về trang phục cho Bảo vệ dân phố:

Căn cứ Quy định của Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ và Quyết định số 349/2008/QĐ-BCA (H11) ngày 31/3/2008 của Bộ Công an về trang phục cho lực lượng Bảo vệ dân phố gồm: Quần áo thu-đông, xuân-hè, mũ mềm, giày da, bút tất, dây lưng, áo đi mưa; căn cứ vào tình hình, điều kiện và khả năng ngân sách của tỉnh, UBND tỉnh sẽ quyết định trang phục cho Bảo vệ dân phố.

2. Trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố:

a) Bảo vệ dân phố được trang bị và sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật, bao gồm: gậy, dùi cui cao su, roi điện, gậy điện.

b) Bảo vệ dân phố được trang bị giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh theo mẫu thống nhất của ngành Công an và các phương tiện cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

c) UBND các phường, thị trấn có trách nhiệm bố trí địa điểm và đảm bảo chế độ làm việc của lực lượng Bảo vệ dân phố.

Điều 17. Khen thưởng, kỷ luật và khiếu nại tố cáo

1. Khen thưởng:

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng lực lượng Bảo vệ dân phố được khen thưởng theo quy định của Nhà nước, Bảo vệ dân phố lập thành tích xuất sắc trong công tác thì được xét khen thưởng theo quy định như đối với Công an xã.

2. Kỷ luật:

Bảo vệ dân phố lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật hoặc mưu cầu lợi ích cá nhân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, uy tín của tổ chức thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

3. Khiếu nại, tố cáo:

Việc khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân đối với Bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 18. Kinh phí hoạt động của Bảo vệ dân phố

1. Nguồn kinh phí chi phụ cấp hàng tháng và bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, trang phục, trang bị phương tiện cho hoạt động của Bảo vệ dân phố được đảm bảo từ các nguồn sau:

a) Ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

b) Quỹ an ninh, trật tự của địa phương;

c) Ủng hộ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Giám đốc Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy định này.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp, các đơn vị, tổ chức và mọi công dân có trách nhiệm giám sát, giúp đỡ, tạo điều kiện để lực lượng Bảo vệ dân phố hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới, UBND các cấp, các ngành, đoàn thể phản ánh về Công an tỉnh để tập hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.